

0.a. Goal

Mục tiêu 2: Xóa đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững

0.b. Target

Mục tiêu 2.4: Đến năm 2030, bảo đảm sản xuất lương thực, thực phẩm bền vững và áp dụng những phương thức sản xuất nông nghiệp có khả năng chống chịu giúp tăng năng suất và sản lượng, duy trì hệ sinh thái, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và các thảm họa khác và dần dần cải tạo chất lượng đất đai (mục tiêu 2.4 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 2.4.3. Chỉ số giá tiêu dùng nhóm lương thực, thực phẩm

0.d. Series

Consumer Food Price Index [2.c.1] AG_FPA_CFPI

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Tổng cục Thống kê

1.f. Contact mail

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

1.g. Contact email

banbientap@gso.gov.vn

2.a. Definition and concepts

Chỉ số giá tiêu dùng nhóm lương thực, thực phẩm là chỉ tiêu tương đối (tính bằng %) phản ánh xu hướng và mức độ biến động giá cả chung theo thời gian của các mặt hàng lương thực, thực phẩm tiêu dùng hàng ngày của người dân.

Danh mục hàng hoá đại diện gồm các mặt hàng lương thực, thực phẩm chủ yếu, đại diện cho tiêu dùng của dân cư trong một giai đoạn nhất định, được sử dụng để điều tra thu thập giá định kỳ,

phục vụ tính chỉ số giá tiêu dùng.

Quyền số tính chỉ số giá tiêu dùng là tỷ trọng chi tiêu cho các nhóm hàng lương thực, thực phẩm trong tổng chi tiêu của dân cư của năm được chọn làm gốc so sánh. Quyền số này được sử dụng cố định trong 5 năm.

Sau mỗi chu kỳ 5 năm, danh mục mặt hàng đại diện, quyền số lại được cập nhật cho phù hợp với thị trường tiêu dùng và cơ cấu chi tiêu cho đời sống hàng ngày của người dân trong thời kỳ hiện tại.

Phương pháp tính chỉ số giá tiêu dùng nhóm lương thực, thực phẩm

Chỉ số giá tiêu dùng nhóm lương thực, thực phẩm được tính từ kết quả điều tra giá tiêu dùng của từng tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương. Chỉ số giá tiêu dùng được tính bằng phương pháp bình quân nhân gia quyền giữa mức biến động giá của các nhóm mặt hàng với quyền số tương ứng.

Chỉ số giá tiêu dùng nhóm lương thực, thực phẩm của các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương được tính bằng phương pháp bình quân nhân gia quyền giữa chỉ số giá tiêu dùng của mỗi nhóm lương thực, thực phẩm được chọn điều tra với quyền số tương ứng.

Chỉ số giá tiêu dùng nhóm lương thực, thực phẩm của 6 vùng kinh tế được tính bằng phương pháp bình quân nhân gia quyền giữa chỉ số giá nhóm lương thực, thực phẩm của mỗi tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trong vùng với quyền số tương ứng.

Chỉ số giá tiêu dùng nhóm lương thực, thực phẩm của cả nước được tính bằng phương pháp bình quân nhân gia quyền giữa chỉ số giá nhóm lương thực, thực phẩm của các vùng kinh tế với quyền số tương ứng.

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

3.a. Data sources

- Điều tra giá tiêu dùng (CPI);
- Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam.

3.b. Data collection method

a) Điều tra giá tiêu dùng

Điều tra giá tiêu dùng là điều tra chọn mẫu (điều tra trực tiếp) thuộc Chương trình điều tra thống kê quốc gia.

- Mục đích điều tra: Thu thập giá bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng để có số liệu phục vụ tính chỉ số giá tiêu dùng hàng tháng, nhằm cung cấp số liệu về tỷ lệ tăng giá cho Chính phủ, các bộ, các ngành sử dụng trong công tác điều hành quản lý, nghiên cứu chính sách, quản lý tài chính, tiền tệ. Làm cơ sở tính toán một số chỉ tiêu thống kê tổng hợp theo giá so sánh.

- Đối tượng, đơn vị điều tra:

+ Các mặt hàng và dịch vụ đại diện cho tiêu dùng.

+ Sạp hàng, quầy hàng, điểm bán hàng (chuyên bán lẻ); cơ sở kinh doanh dịch vụ; cơ quan; trường học; cơ sở khám chữa bệnh có địa điểm kinh doanh ổn định, thuộc các thành phần kinh tế.

- Nội dung điều tra

+ Điều tra mức giá bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng;

+ Thu thập phục vụ tính chỉ tiêu thống kê quốc gia mã số 1101, 1102, 1103.

b) Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam: Giống chỉ tiêu 1.1.1

3.c. Data collection calendar

Chu kỳ hàng tháng, ngày 05, 15, 25 hàng tháng.

3.d. Data release calendar

Năm

3.e. Data providers

Tổng cục Thống kê

3.f. Data compilers

Tổng cục Thống kê

4.a. Rationale

Chỉ số giá tiêu dùng nhóm lương thực, thực phẩm được sử dụng cho những mục đích chủ yếu sau:

- Đánh giá công tác kiểm soát lạm phát
- Sử dụng trong công tác điều hành, quản lý và xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh.
- Chỉ số giá tiêu dùng được dùng để loại trừ yếu tố biến động (tăng/giảm) giá tiêu dùng trong việc tính toán một số chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh.

5. Data availability and disaggregation

- Số liệu có sẵn hàng năm từ năm 2013 đến 2019.
- Số liệu có theo phân tổ danh mục mặt hàng lương thực, thực phẩm.

(Nguồn công bố: Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê)

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu này được sử dụng để thay thế chỉ tiêu SDG toàn cầu “2.c.1. Indicator of food price anomalies”.

7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>